TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DS-ST
Ngày: 22/01/2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo lãnh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chung Kim Sang

2. Bà Lê Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Sà Ron – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2021/TLST-KDTM, ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo lãnh" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-KDTM, ngày 18 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-KDTM, ngày 04 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V2**.**

Người đại diện theo pháp luật là ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ trụ sở chính: số H, đường L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Tuấn V, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ khách hàng doanh nghiệp miền N (có mặt).

2. Ông Đinh Quốc V1, chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ khách hàng doanh nghiệp miền N (vắng mặt).

Theo văn bản ủy quyền số: 97/2022/UQ-PGD ngày 15/8/2022.

Địa chỉ liên hệ: tầng 1, số I C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S.

Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Minh T, chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ: số E, đường L, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: số H, tổ A, ấp S, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2020 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng thương mại cổ phần V2 ***là ông*** Nguyễn Tuấn V ***trình bày:*** Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S (sau đây gọi tắt là Công ty S) đã vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần V2 – chi nhánh K (sau đây gọi tắt là V3) theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: SME/KGG/18/0005/HDHM ký ngày 10/5/2018 giữa V3 và Công ty S, cụ thể như sau:

Lần 01, theo Khế ước nhận nợ số SME/KGG/18/0005/HDHM-01 ngày 14/5/2018:

Số tiền vay: 237.700.312 đồng;

Mục đích vay vốn: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh các cấu kiện kim loại;

Thời hạn vay: 12 tháng;

Lãi suất vay: 21,3%/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần;

Ngày giải ngân: 14/5/2018;

Ngày đến hạn: 14/5/2019.

Lần 02, theo Khế ước nhận nợ số SME/KGG/18/0005/HDHM-02 ngày 11/6/2018:

Số tiền vay: 150.064.200 đồng;

Mục đích vay vốn: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh các cấu kiện kim loại;

Thời hạn vay: 12 tháng;

Lãi suất vay: 21,3%/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần;

Ngày giải ngân: 11/6/2018;

Ngày đến hạn: 11/6/2019.

Khoản vay trên được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Minh T theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/KGG/18/0005/HDBL ngày 10/5/2018.

Ngoài ra Công ty S còn ký với V3 Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (B) không có tài sản bảo đảm ngày 10/5/2018 với số tiền vay là 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất 24%/năm.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty S đã trả được theo Khế ước lần 01 với số tiền gốc là 223.321.019 đồng và số tiền lãi là 32.931.267 đồng, theo Khế ước lần 02 với số tiền gốc là 113.400.000 đồng và số tiền lãi là 22.544.218 đồng. Tuy nhiên, sau đó Công ty S đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, V3 đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty S và ông T để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty S và ông T cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Tính đến thời điểm ngày 22/01/2024 thì Công ty S còn nợ V3 theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: SME/KGG/18/0005/HDHM ngày 10/5/2018 với số tiền gốc là 51.043.493 đồng, số tiền lãi trong hạn là 6.007.054 đồng, số tiền lãi quá hạn là

78.188.792 đồng, lãi phạt là 18.484.007 đồng, nợ thẻ tín dụng quốc tế (Business Credit) với số tiền gốc là 40.711.327 đồng, tiền lãi là 65.450.492 đồng.

Nay ông Nguyễn Tuấn V tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi phạt là 18.484.007 đồng, cụ thể ông chỉ yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V2 tổng khoản nợ tính đến ngày 22/01/2024 theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: SME/KGG/18/0005/HDHM ngày 10/5/2018 là 135.239.339 đồng, trong đó nợ gốc là 51.043.493 đồng, số tiền lãi trong hạn là 6.007.054 đồng, số tiền lãi quá hạn là 78.188.792 đồng; nợ thẻ tín dụng quốc tế (B) là 106.161.819 đồng, trong đó số tiền gốc 40.711.327 đồng, tiền lãi là 65.450.492 đồng, tổng cộng các khoản nợ gốc và lãi là 241.401.096 đồng (hai trăm bốn mươi mốt triệu, bốn trăm lẻ một nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng).

- Ngoài ra, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng.

- Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S không thanh toán theo yêu cầu thì ông Nguyễn Minh T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ vay và nợ thẻ nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

- Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử hôm nay, người đại diện hợp pháp của bị đơn - Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S ***đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông*** Nguyễn Minh T ***đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.***

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành tốt, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xem xét đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi phạt; áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 của của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, xem xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – Ngân hàng thương mại cổ phần V2 yêu cầu bị đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S thanh toán khoản nợ vay tín dụng đã quá hạn,

đồng thời yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Minh T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong trường hợp bị đơn không trả được nợ. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo lãnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Các đương sự tranh chấp về hợp đồng liên quan đến hoạt động kinh doanh, thương mại, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Người đại diện hợp pháp của bị đơn - Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Tuấn V yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn kèm theo tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án là hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/KGG/18/0005/HDHM ngày 10/5/2018, phụ lục hợp đồng số 01, hợp đồng bảo lãnh số: SME/KGG/18/0005/HDBL ngày 10/5/2018, khế ước nhận nợ lần 01 và lần 02, giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty S (toàn bộ bản photo, sao y), bảng kê tính lãi lập ngày 22/01/2024 (bản gốc) thể hiện những nội dung chính sau: "Công ty S đã vay vốn tại V3 – chi nhánh K theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: SME/KGG/18/0005/HDHM ký ngày 10/5/2018 với tổng số tiền là 387.764.512 đồng (trong đó vay lần 01 là 237.700.312 đồng, vay lần 02 là 150.064.200 đồng) Ngoài ra Công ty S còn ký với V3 – chi nhánh K Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (B) không có tài sản bảo đảm ngày 10/5/2018 với số tiền vay là 50.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty S đã trả được theo Khế ước lần 01 với số tiền gốc là 223.321.019 đồng và số tiền lãi là 32.931.267 đồng, theo Khế ước lần 02 với số tiền gốc là 113.400.000 đồng và số tiền lãi là 22.544.218 đồng. Tuy nhiên, trong thời gian từ ngày 14/01/2019 đến ngày 11/3/2019, Công ty S đã thanh toán không đầy đủ gốc và lãi theo Khế ước nhận nợ số SME/KGG/18/0005/HDHM-01 ngày 14/5/2018, do đó Công ty S đã vi phạm khoản 9 và khoản 10 Điều 2 của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: SME/KGG/18/0005/HDHM ngày 10/5/2018 đồng thời vi phạm Điều 8 của hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (B), điểm l khoản 1 Điều 7 của Điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế áp dụng cho khách hàng danh nghiệp, do đó đến ngày 14/3/2019 toàn bộ khoản nợ vay của Công ty S đã chuyển sang nợ quá hạn". Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của bị đơn - Công ty S đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Minh T đều không có mặt theo văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án cũng như ý kiến bằng văn bản liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – V3 mặc dù đã được

Tòa án tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, nguyên đơn – V3 đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn, do đó Hội đồng xét xử giải quyết theo những chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án xác định thỏa thuận giữa V3, Công ty S và ông T là hợp đồng vay tín dụng và hợp đồng bảo lãnh. Xét hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo lãnh nêu trên đã được các bên ký kết đúng trình tự theo quy định pháp luật và hoàn toàn tự nguyện, việc nguyên đơn – V3 khởi kiện trong thời gian thực hiện hợp đồng là do bị đơn – Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ định kỳ theo thỏa thuận, đồng thời nguyên đơn – V3 căn cứ theo Điều 2 của Hợp đồng bảo lãnh số SME/KGG/18/0005/HDBL ngày 10/5/2018 yêu cầu ông T có trách nhiệm liên đới thanh toán toàn bộ khoản nợ vay và nợ thẻ nêu trên trong trường hợp Công ty S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, áp dụng các Điều 336, 339, 342, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ một phần yêu cầu của V3 đối với số tiền lãi phạt là 18.484.007 đồng (mười tám triệu, bốn trăm tám mươi bốn nghìn, không trăm lẻ bảy đồng), thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V3, buộc Công ty S phải có nghĩa vụ thanh toán cho V3 các khoản nợ bao gồm:

- Theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: SME/KGG/18/0005/HDHM ngày 10/5/2018 là 135.239.339 đồng, trong đó nợ gốc là 51.043.493 đồng, số tiền lãi trong hạn là 6.007.054 đồng, số tiền lãi quá hạn là 78.188.792 đồng;

- Theo nợ thẻ tín dụng quốc tế (Business Credit) là 106.161.819 đồng, trong đó số tiền gốc 40.711.327 đồng, tiền lãi là 65.450.492 đồng;

Tổng cộng các khoản nợ gốc và lãi là 241.401.096 đồng (hai trăm bốn mươi mốt triệu, bốn trăm lẻ một nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng).

- Ngoài ra, kể từ ngày 23/01/2024, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng.

- Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S không thanh toán nợ theo yêu cầu thì ông Nguyễn Minh T có trách nhiệm liên đới thanh toán toàn bộ khoản nợ vay và nợ thẻ nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

[3] Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bị đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S phải chịu án phí là: 241.401.096 đồng x 5% = 12.070.054 đồng (mười hai triệu, không trăm bảy mươi nghìn, khôg trăm năm mươi bốn đồng).

- Hoàn trả cho nguyên đơn - Ngân hàng thương mại cổ phần V2 toàn bộ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 2.818.000 đồng (hai triệu, tám trăm mười tám nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá theo Biên lai thu số 0008720, ngày 24/12/2020.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 336, 339, 342, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng khoản 6 Điều 19, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH124 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng thương mại cổ phần V2 về việc "Tranh chấp tín dụng và hợp đồng bảo lãnh" đối với bị đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Minh T.

2. Buộc bị đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S trả cho nguyên đơn – Ngân hàng thương mại cổ phần V2 khoản nợ:

- Theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: SME/KGG/18/0005/HDHM ngày 10/5/2018 là 135.239.339 đồng, trong đó nợ gốc là 51.043.493 đồng, số tiền lãi trong hạn là 6.007.054 đồng, số tiền lãi quá hạn là 78.188.792 đồng;

- Theo nợ thẻ tín dụng quốc tế (Business Credit) là 106.161.819 đồng, trong đó số tiền gốc 40.711.327 đồng, tiền lãi là 65.450.492 đồng;

Tổng cộng các khoản nợ gốc và lãi là 241.401.096 đồng (hai trăm bốn mươi mốt triệu, bốn trăm lẻ một nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng).

- Ngoài ra, kể từ ngày 23/01/2024, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng.

- Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S không thanh toán nợ theo yêu cầu thì ông Nguyễn Minh T có trách nhiệm liên đới thanh toán toàn bộ khoản nợ vay và nợ thẻ nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả tiền lãi phạt là 18.484.007 đồng (mười tám triệu, bốn trăm tám mươi bốn nghìn, không trăm lẻ bảy đồng).

4. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bị đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S phải chịu án phí là: 241.401.096 đồng x 5% = 12.070.054 đồng (mười hai triệu, không trăm bảy mươi nghìn, khôg trăm năm mươi bốn đồng).

- Hoàn trả cho nguyên đơn - Ngân hàng thương mại cổ phần V2 toàn bộ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 2.818.000 đồng (hai triệu, tám trăm mười tám nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá theo Biên lai thu số 0008720, ngày 24/12/2020.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Đào Đức Luân

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.